



Địa chỉ:  
Email: stp@khanhhoa.gov.vn  
Số Tờ:  
Cơ quan Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa  
Thời gian ký: 12.06.2017 10:23:40

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**  
**SỞ TƯ PHÁP**  
Số: 308 /STP-HCTP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 6 năm 2017.

V/v cung cấp thông tin hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

UBND. HUYỆN KHÁNH VINH

**ĐẾN** Số: 127  
Ngày: 11/6/17  
Chuyển

Kính gửi: UBND các huyện, thị, thành phố

Ngày 02/6/2017, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (Bộ Tư pháp) đã có công văn số 469/HTQTCT-HT v/v cung cấp thông tin về việc hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.

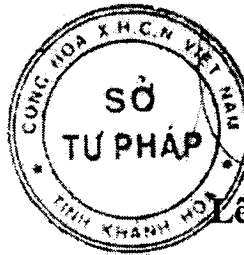
Sở Tư pháp thông báo, chuyển tiếp đến UBND các huyện, thị xã, thành phố biết để thực hiện.

Đính kèm: Công văn số 469/HTQTCT-HT; Danh sách các nước và loại giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự (cập nhật đến tháng 4/2017)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (VBĐT);
- Giám đốc Sở;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HCTP.

**GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Hạ

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN KHÁNH VINH**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: 562/SY-UBND

Khánh Vĩnh, ngày 14 tháng 6 năm 2017

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND huyện;
  - Các đ/c LĐ UBND huyện;
  - Các phòng ban trực thuộc;
  - UBND các xã-thị trấn;
  - VPUB: các đ/c LĐ, CVTH;
  - Lưu: VT.
- } VBĐT

**TL. CHỦ TỊCH**  
**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG**  
**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Minh Chính

BỘ TƯ PHÁP  
CỤC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH,  
CHỨNG THỰC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 469/HTQTCT-HT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2017

V/v cung cấp thông tin về việc  
hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ do

cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp

SỞ TƯ PHÁP KHÀNH HÒA

ĐẾN Số: 262..... Kính gửi: Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày: 06/6.....

Chuyên: HCTP..... Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực nhận được phản ánh của một số Sở Tư

Lưu hồ sơ số: Pháp về việc gặp khó khăn trong xác định các loại giấy tờ thuộc diện được miễn  
hợp pháp hóa lãnh sự, sau khi trao đổi với Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao, Cục  
Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực cung cấp thông tin liên quan đến các giấy tờ  
thuộc diện miễn hợp pháp hóa lãnh sự như sau:

1. Về Danh sách các nước và loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự

Đề nghị Sở Tư pháp sao gửi cho cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn Danh sách cập nhật mới nhất, tính đến tháng 4/2017 theo thông báo của Cục Lãnh sự (gửi kèm theo).

Các cơ quan đăng ký hộ tịch vẫn cần thường xuyên tham khảo Danh sách đăng tải trên Cổng thông tin điện tử về công tác lãnh sự - Bộ Ngoại giao (địa chỉ <https://lanhsuvietsnam.gov.vn/Lists/BaiViet/B%C3%A0i%20vi%E1%BA%BFt/Di%20spForm.aspx?List=dc7c7d75%2D6a32%2D4215%2Dafeb%2D47d4bee70eee&ID=755>) để có thông tin cập nhật mới nhất.

Theo Danh sách này thì đối với những loại giấy tờ quy định “chi miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích tương trợ tư pháp” được hiểu là giấy tờ, tài liệu chuyển giao giữa các cơ quan chức năng dùng cho mục đích tương trợ tư pháp theo quy định của hiệp định, thỏa thuận về tương trợ tư pháp đã ký kết. Do đó, các giấy tờ do cá nhân, tổ chức nộp trực tiếp tại các cơ quan chức năng của Việt Nam (và ngược lại) không thuộc diện miễn HPH/CNLS.

2. Về các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho công dân Việt Nam mang về Việt Nam nhưng chưa được HPH/CNLS

Theo quy định hiện hành, các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, chứng thực (bao gồm cả giấy tờ, tài liệu cấp cho công dân Việt Nam) cần được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn HPH/CNLS, để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam. Việc HPH/CNLS đối

với giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp có thể được thực hiện theo hai cách sau:

(i) Tại nước ngoài: Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại chứng nhận con dấu, chữ ký và chức danh trên giấy tờ, tài liệu sau đó chuyển tới Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại để hợp pháp hóa lãnh sự.

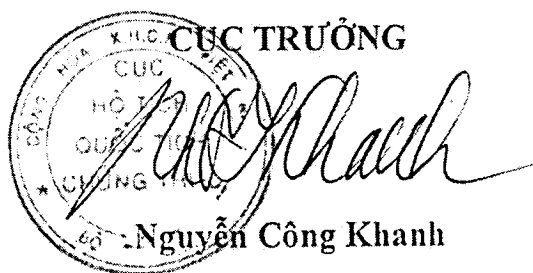
(ii) Tại Việt Nam: Cơ quan đại diện của nước cấp giấy tờ, tài liệu chứng nhận con dấu, chữ ký và chức danh trên giấy tờ, tài liệu sau đó chuyển tới Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh) để hợp pháp hóa lãnh sự.

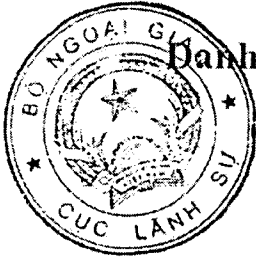
Nếu Cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam không chứng nhận các giấy tờ, tài liệu do các cơ quan chức năng của nước đó cấp (ví dụ: Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội) để thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự tại Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) thì cần thực hiện theo cách (i) nêu trên. Trong trường hợp người được cấp giấy tờ, tài liệu không thể sang nước ngoài để làm thủ tục CNLS/HPH thì có thể ủy quyền cho người khác làm thay thủ tục này.

Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực trao đổi và đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo triển khai thực hiện thống nhất. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị có văn bản báo cáo về Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./đ

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao (để phối hợp);
- Vụ HTQT, PLQT (để biết);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT (Thảo).





## Danh sách các nước và loại giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự

(Cập nhật tháng 4/2017)

Các chữ viết tắt: HĐTTTP: Hiệp định tương trợ tư pháp  
 HĐLS: Hiệp định lãnh sự  
 TTTP: Tương trợ tư pháp  
 CQĐD: Cơ quan đại diện

CQTƯ: Cơ quan Trung ương  
 VPKTVH: Văn phòng Kinh tế - Văn hóa  
 HPH: Hợp pháp hóa lãnh sự  
 CNLS: Chứng nhận lãnh sự

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
01	Cộng hòa An-giê-ri Dân chủ và Nhân dân	1.1. Các giấy tờ, tài liệu dùng trong mục đích TTTP về hình sự	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 10 HĐTTTP về hình sự ngày 14/4/2010	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP và chuyển qua các CQTƯ theo Hiệp định
		1.2. Các giấy tờ dân sự, thương mại có chữ ký và con dấu chính thức của CQ có thẩm quyền cấp	Các cơ quan có thẩm quyền	Điều 5 HĐTTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại năm 2010	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP và chuyển qua các CQTƯ theo Hiệp định
02	Cộng hòa Ba Lan	2.1. Các loại giấy tờ lao động (Điều 1.3), dân sự, gia đình, hình sự được cơ quan có thẩm quyền lập, chứng thực	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 14 và 15 HĐTTTP năm 1993	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo Hiệp định
		2.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 34 HĐLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS

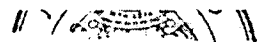
STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
03	Cộng hòa Bun-ga-ri	3.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 1985	Được miễn HPH/CNLS
		3.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 33 HĐLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
04	Cộng hòa Bê-la-rút	4.1. Các loại giấy tờ dân sự (thương mại), gia đình, lao động, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Điều 11 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS
		4.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 13 HĐLS năm 2008	Được miễn HPH/CNLS
05	Vương quốc Cam-pu-chia	5.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Áp dụng nguyên tắc có đi có lại	Được miễn HPH/CNLS
		5.2. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Cam-pu-chia tại khu vực biên giới	Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
06	Cộng hòa Ca- dắc-xtan	Bản án, quyết định của Tòa án, hoặc trích lục bản án, quyết định của Tòa án hoặc các tài liệu cần thiết khác có liên quan đến hộ tịch của công dân Bên ký kết	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Điều 14 HĐTTTP về dân sự năm 2011	Chỉ áp dụng đối với giấy tờ, tài liệu chuyển giao qua kênh liên lạc theo quy định của Hiệp định

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
07	Cộng hòa Cu-ba	7.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự, lao động	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1988	Được miễn HPH/CNLS
		7.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 12 HĐLS năm 1981	Được miễn HPH/CNLS
08	Trung Quốc(Đài Loan)	Các loại giấy tờ dân sự, thương mại, hôn nhân, gia đình và lao động (Điều 1.2) có chữ ký và con dấu chính thức của CQ có thẩm quyền cấp	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 15 Thỏa thuận giữa hai VPKTVH về TTTP trong lĩnh vực dân sự	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo Thỏa thuận
09	Vương quốc Đan Mạch	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 4 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi năm 2003	Được miễn HPH
10	Vương quốc Hà Lan	Giấy tờ, tài liệu của Việt Nam đã được chứng nhận lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam	Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam	CH số HANOI/2015-236 ngày 10/12/2015 (ĐSQ Hà Lan tại Hà Nội)	Được miễn HPH (áp dụng đối với giấy tờ của Việt Nam)
11	Cộng hòa Hung-ga-ri	11.1. Các giấy tờ công hoặc giấy tờ tư có xác nhận, chứng nhận trong lĩnh vực dân sự, gia đình, hình sự và hành chính	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 16 HĐTTTP năm 1985 và Công hàm số 64/2007 ngày 09/05/2007 của ĐSQ Hungari tại Hà Nội	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
		11.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 33 HĐLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
12	Cộng hòa I-rắc	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 40 HĐLS năm 1990	Được miễn HPH/CNLS
13	Cộng hòa I-ta-li-a	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai nước	Điều 4 HĐ hợp tác về nuôi con nuôi năm 2003	Được miễn HPH/CNLS
14	CHDCND Lào	14.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 1988	Được miễn HPH/CNLS
		14.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 36 HĐLS năm 1985	Được miễn HPH/CNLS
		14.3. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Lào tại khu vực biên giới	Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
15	Mông Cổ	15.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 8 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
		15.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 31 HĐLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
16	Liên bang Nga	16.1. Các loại giấy tờ do cơ quan tư pháp lập hoặc chứng thực (gồm cả bản dịch, trích lục đã được chứng thực)	Cơ quan Tư pháp của hai Bên	Điều 15 HĐTTTP và PL về các vấn đề dân sự và hình sự năm 1998	Được miễn HPH/CNLS
		16.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 29 HĐLS năm 1978 (ký với Liên Xô)	Được miễn HPH/CNLS
17	Nhật Bản	17.1. Các loại giấy tờ hộ tịch	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Áp dụng nguyên tắc có đi có lại	Được miễn HPH/CNLS
		17.2. Giấy tờ dùng cho việc nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền lập và chuyển qua các CQTƯ	Điều 17 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi	Được miễn HPH/CNLS
18	Cộng hòa Pháp	18.1. Bản án, quyết định công nhận/thi hành án dân sự, các giấy tờ hộ tịch, giấy tờ dân sự dùng cho việc kết hôn, nuôi con nuôi, nhận cha, mẹ, con	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	- Điều 26 HĐTTTP về các vấn đề dân sự năm 1999 - Công hàm trao đổi giữa CLS và ĐSQ Pháp tại HN năm 2011	Được miễn HPH/CNLS
		18.2. Giấy tờ dùng cho việc nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền lập và chuyển qua các	Điều 17 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi	Được miễn HPH/CNLS





STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
			CQTƯ		
		18.3. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 35.3 HĐLS ngày 21/12/1981	Được miễn HPH (phải được CNLS nếu phía Bên kia yêu cầu)
19	Ru-ma-ni	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 22 HĐLS năm 1995	Được miễn HPH/CNLS
20	Cộng hòa Séc	20.1. Các loại giấy tờ dân sự (bao gồm các việc về gia đình và lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1982 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
		20.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 40 HĐLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
21	Vương quốc Tây Ban Nha	Các giấy tờ, tài liệu về hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 21 HĐ TTTP về hình sự năm 2015	Được miễn HPH/CNLS khi chuyển giao thông qua các Cơ quan trung ương
22	Liên bang Thụy Sĩ	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 4 HĐ hợp tác về nuôi con nuôi năm 2005	Được miễn HPH

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
23	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa <sup>(*)</sup>	23.1. Các loại giấy tờ dân sự (thương mại, hôn nhân gia đình và lao động) và hình sự	Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên lập hoặc xác nhận, ký và đóng dấu chính thức	Điều 29 HĐTTTP năm 1998	Miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo HĐTTTP năm 1998
		23.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 45 HĐLS năm 1998	Được miễn HPH/CNLS
		23.3. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Trung Quốc tại khu vực biên giới	Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
24	U-crai-na	24.1. Các giấy tờ dân sự (thương mại, hôn nhân gia đình, lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS
		24.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 42 HĐLS năm 1994	Được miễn HPH/CNLS

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
25	Cộng hòa Xi-lô-va-ki-a	25.1. Các loại giấy tờ dân sự (bao gồm các việc về gia đình và lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1982 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
		25.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 47 HDLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
26	Cộng hòa In-đô-nê-xi-a	Các tài liệu, hồ sơ dùng trong mục đích TTTP về hình sự, trừ trường hợp đặc biệt khi Bên được yêu cầu đề nghị rằng các hồ sơ hoặc tài liệu phải được chứng thực	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 19 HĐTTTP về hình sự ký ngày 07/6/2013, có hiệu lực từ ngày 22/1/2016	Chỉ áp dụng đối với giấy tờ, hồ sơ được chuyển giao theo Hiệp định

**Ghi chú:**

- Theo quy định tại Điều 9.4 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam hoặc của nước ngoài không yêu cầu phải HPH, CNLS phù hợp với quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam hoặc của nước ngoài thì cũng được miễn HPH, CNLS.

- Việc thực hiện theo các Hiệp định nêu trên không ảnh hưởng đến việc HPH, CNLS giấy tờ theo yêu cầu của công dân tại các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhằm tạo thuận lợi cho công dân theo quy định tại Điều 10.2 Thông tư 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.

- (\*) **Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:** Đối với giấy tờ như bằng cấp, chứng chỉ, lý lịch tư pháp (xác nhận không tiền án, tiền sự) và các giấy tờ liên quan khác do cơ quan công chứng của Trung Quốc hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (bao gồm Hồng Kông, Ma Cao) chứng nhận, sau đó được Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao Trung Quốc (hoặc cơ quan ngoại vụ địa phương Trung Quốc được ủy quyền) chứng thực thì phải HPH tại CQĐD Việt Nam tại Trung Quốc (Căn cứ theo nội dung công hàm trao đổi giữa Cục Lãnh sự và ĐSQ Trung Quốc tại Việt Nam).